



TRUNG TÂM DỊCH VỤ SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ HOÀN HỌC PHÍ Dành cho đối tượng tốt nghiệp THCS học lên trình độ trung cấp (chương trình cao đẳng 9+)

- Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

1. Đối tượng được hoàn học phí:

- Sinh viên hệ Cao đẳng 9+: Khóa 2024, Khóa 2025

Lưu ý: Sinh viên cần hoàn tất học phí chuyên ngành học kỳ cần cấp hồ sơ trước khi đăng ký.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Phòng Văn Hóa - Xã Hội tại Phường/Xã nơi cư trú.

3. Hồ sơ cần nộp:

a/ Hồ sơ Sinh viên cần chuẩn bị (bản sao y, công chứng)

- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời
- Giấy khai sinh
- Giấy CCCD
- Mẫu CT07 (xác nhận thông tin cư trú): Sinh viên liên hệ Công An phường để được cấp

b/ Hồ sơ Sinh viên phải điền thông tin

- Đơn đề nghị chi trả miễn, giảm học phí (Phụ lục VII): được kèm trong hồ sơ Trường cấp
- Bản Thông tin chuyển khoản (Sinh viên cần có số tài khoản chính chủ, tiền hoàn sẽ được chuyển khoản qua số tài khoản khi hồ sơ được duyệt)

c/ Hồ sơ Trường cấp: Sinh viên nhận tại Trung tâm Dịch vụ sinh viên

- Phụ lục IX: Dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí
- Phụ lục VIII: Giấy xác nhận sinh viên (thuộc đối tượng sinh viên Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp)

- Hoá đơn/ biên lai học phí (bản chính)

4. Số tiền được hoàn:

Theo quy định của Nhà nước tùy theo ngành học và từng khu vực (tham khảo chi tiết tại Nghị định 97/2023/NĐ-CP)

Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí 2 học kỳ/năm (tối đa 10 tháng/năm)

Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

Căn cứ danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, trung cấp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, mức trần học phí được xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật và được tính theo lộ trình đến năm học 2026 - 2027. Mức trần học phí như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200